

KẾ HOẠCH
Cải thiện, nâng cao Chỉ số Cải cách hành chính (PAR INDEX)
tỉnh Đắk Nông năm 2021

I. BÁO CÁO, ĐÁNH GIÁ CHỈ SỐ CCHC (PAR INDEX) NĂM 2020

1. Chỉ số PAR INDEX cấp tỉnh

1.1. Về cấu trúc: Bộ tiêu chí xác định Chỉ số CCHC cấp tỉnh được cấu trúc thành 08 lĩnh vực, 43 tiêu chí, 102 tiêu chí thành phần, cụ thể:

- **Lĩnh vực 1:** Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC: 06 tiêu chí và 02 tiêu chí thành phần.

- **Lĩnh vực 2:** Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật tại tỉnh: 04 tiêu chí và 08 tiêu chí thành phần.

- **Lĩnh vực 3:** Cải cách thủ tục hành chính: 05 tiêu chí và 19 tiêu chí thành phần.

- **Lĩnh vực 4:** Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước: 04 tiêu chí và 12 tiêu chí thành phần.

- **Lĩnh vực 5:** Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức: 09 tiêu chí và 17 tiêu chí thành phần.

- **Lĩnh vực 6:** Cải cách tài chính công: 04 tiêu chí và 15 tiêu chí thành phần.

- **Lĩnh vực 7:** Hiện đại hóa hành chính: 05 tiêu chí và 22 tiêu chí thành phần.

- **Lĩnh vực 8:** Tác động của CCHC đến người dân, tổ chức và các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh: 06 tiêu chí, 07 tiêu chí thành phần.

1.2. Về thang điểm: 100 điểm

- Điểm thực hiện công tác CCHC tại tỉnh: 66,50/100 điểm.

- Điểm đánh giá qua điều tra xã hội học: 33,50/100 điểm.

2. Kết quả Chỉ số Par Index tỉnh Đắk Nông năm 2020

Tỉnh Đắk Nông đạt 82,05/100 điểm, tăng 3,13 điểm; xếp thứ 51/63 tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương, tăng 05 bậc so với năm 2019, trong đó: Điểm thực hiện công tác CCHC tại tỉnh đạt: 56,94/66,5 điểm; điểm điều tra xã hội học đạt: 25,11/33,5 điểm.

Phân tích theo từng lĩnh vực có thành phần điểm cụ thể như sau:

- **Lĩnh vực 1:** Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC đạt 7,5/8,5 điểm, đạt chỉ số 88,20%.

- **Lĩnh vực 2:** Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản QPPL đạt 8,43/10 điểm, đạt chỉ số 84,30%.

- **Lĩnh vực 3:** Cải cách TTHC đạt 13,44/13,50, đạt chỉ số 99,50%.

- **Lĩnh vực 4:** Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước đạt: 10,06/11,50 điểm, đạt chỉ số 87,47%

- **Lĩnh vực 5:** Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đạt: 10,06/13,50 điểm, đạt chỉ số 74,51%.

- **Lĩnh vực 6:** Cải cách Tài chính công đạt 9,03/12 điểm, đạt chỉ số 75,25%.

- **Lĩnh vực 7:** Hiện đại hóa nền hành chính đạt: 11,55/15 điểm, đạt chỉ số 77%.

- **Lĩnh vực 8:** Đánh giá tác động của CCHC đến sự hài lòng của người dân, tổ chức và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đạt 11,95/16 điểm, trong đó: Kết quả tác động đến sự hài lòng của người dân, tổ chức đối sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (*Chỉ số SIPAS*) đạt 8,45/10 điểm, đạt chỉ số 84,50%; tác động đến phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đạt 3,50/6 điểm, đạt chỉ số 58,33%.

- Khảo sát lãnh đạo quản lý và đại biểu HĐND tỉnh: Đạt 16,66/23,50, đạt chỉ số 70,89%.

II. KẾ HOẠCH CẢI THIỆN, NÂNG CAO CHỈ SỐ CCHC (PAR INDEX) TỈNH ĐẮK NÔNG NĂM 2021

1. Cơ sở pháp lý

- Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030.

- Quyết định số 641/QĐ-BNV ngày 25/5/2021 của Bộ Nội vụ về việc phê duyệt và công bố Chỉ số CCHC năm 2020 của các bộ, cơ quan ngang bộ; Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Quyết định số 1887/QĐ-UBND ngày 18/12/2020 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch Cải cách hành chính tỉnh Đắk Nông năm 2021.

2. Mục đích, yêu cầu

2.1. Mục đích

- Tiếp tục duy trì các chỉ số, chỉ số thành phần đạt kết quả cao; cải thiện, nâng cao các chỉ số, chỉ số thành phần đạt điểm thấp; nâng cao tinh thần trách nhiệm, thái độ phục vụ nhân dân của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức (cán bộ, công chức, viên chức) trong thực thi công vụ. Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực

hiện công tác CCHC, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức về trách nhiệm phục vụ nhân dân.

- Phân đấu Chỉ số CCHC của tỉnh năm 2021 tăng ít nhất 01 bậc so với năm 2020 và Chỉ số SIPAS đạt 85%.

2.2. Yêu cầu

- Các cơ quan, đơn vị, đặc biệt là các cơ quan chủ trì các nội dung, lĩnh vực Chỉ số CCHC cần đánh giá đúng kết quả thực hiện các nội dung CCHC liên quan đến ngành, lĩnh vực, địa phương quản lý. Có giải pháp khắc phục, triển khai toàn diện, có hiệu quả các nội dung CCHC nhằm nâng cao Chỉ số CCHC năm 2021.

Tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công của Trung tâm Hành chính công tỉnh, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND các huyện, thành phố và UBND các xã, phường, thị trấn; thực hiện tốt việc tiếp nhận và giải quyết các TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, tổ chức đến yêu cầu giải quyết TTHC.

Triển khai thực hiện các giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn cho các hoạt động sản xuất, kinh doanh, thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công và đảm bảo trật tự an toàn xã hội trong bối cảnh đại dịch Covid-19.

3. Nhiệm vụ, giải pháp (Phụ lục kèm theo).

4. Tổ chức thực hiện.

4.1. Giao các Sở, Ban, ngành; các cơ quan ngành dọc của Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh; UBND các huyện, thành phố và các đơn vị có liên quan

- Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành, địa phương căn cứ kế hoạch này và kết quả Chỉ số CCHC cấp tỉnh năm 2020, chịu trách nhiệm trực tiếp chỉ đạo khắc phục những tồn tại, hạn chế đối với các Tiêu chí, Tiêu chí thành phần không đạt điểm, không đạt điểm tối đa. Tiếp tục phát huy những mặt đạt được, đổi mới tư duy, nhận thức, coi công tác CCHC là khâu có ý nghĩa quan trọng, đột phá, thúc đẩy chuyển biến trong hoạt động quản lý nhà nước, làm đòn bẩy góp phần phát triển kinh tế - xã hội của ngành, địa phương.

- Nghiêm túc thực hiện các quy định về xây dựng, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của pháp luật và các Kế hoạch của UBND tỉnh.

- Đưa ra các giải pháp phù hợp để nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ hành chính công cho người dân, tổ chức; chú trọng những nội dung mà người dân, tổ chức mong đợi nhiều nhất như: Mở rộng hình thức tuyên truyền về nơi Tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC để người dân tổ chức biết một cách dễ dàng, nhanh chóng; niềm yết, công khai TTHC rõ ràng, thuận tiện, đầy đủ; tiếp tục đơn giản hóa, rút ngắn thời gian giải quyết TTHC; tăng cường tiếp nhận và giải quyết TTHC qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4; dịch vụ Bru chính công ích.

- Tiếp tục thực hiện việc rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy, nâng cao chất lượng hoạt động, hiệu lực, hiệu quả của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập; sắp xếp cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm; thực hiện tinh giản biên chế theo lộ trình được giao.

- Thực hiện nghiêm túc quy trình bổ nhiệm lãnh đạo quản lý; tuyển dụng, thăng hạng cán bộ, công chức, viên chức đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

- Công khai, minh bạch trong sử dụng kinh phí hành chính; thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng kinh phí của cơ quan, đơn vị. Tổ chức thực hiện có hiệu quả các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách, đảm bảo 100% số tiền nộp ngân sách Nhà nước theo kiến nghị.

- Nghiêm túc thực hiện xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng, đảm bảo đạt các chỉ tiêu đề ra theo Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin của tỉnh, hướng đến nền hành chính hiện đại, minh bạch hiệu quả phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, phục vụ người dân, tổ chức.

- Phối hợp chặt chẽ với Bộ Nội vụ, Bưu điện tỉnh thực hiện điều tra xã hội học xác định Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính nhà nước khi có yêu cầu.

- Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành; Chủ tịch UBND cấp huyện và lãnh đạo cấp phòng thuộc Sở nêu cao tinh thần trách nhiệm, bám sát các nội dung trong Phiếu khảo sát của Bộ Nội vụ để đưa ra những đánh giá khách quan, chính xác về chất lượng công tác CCHC của tỉnh.

4.2. Giao Sở Nội vụ

- Chủ trì tham mưu UBND tỉnh hướng dẫn các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai Kế hoạch này; theo dõi thực hiện cải thiện các tiêu chí, tiêu chí thành phần về Công tác chỉ đạo, điều hành; cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước; xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức (cải cách chế độ công vụ).

- Phối hợp chặt chẽ với Bộ Nội vụ, Bưu điện tỉnh, Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh, Hội Cựu chiến binh Việt Nam tỉnh thực hiện điều tra xã hội học xác định Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính.

- Chủ trì tham mưu UBND tỉnh tự đánh giá, chấm điểm, xếp loại Chỉ số CCHC cấp tỉnh báo cáo Bộ Nội vụ đúng quy định.

4.3. Giao Sở Tư pháp

Chủ trì theo dõi, tham mưu UBND tỉnh triển khai thực hiện hiệu quả các tiêu chí, tiêu chí thành phần thuộc lĩnh vực xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật.

4.4. Giao Văn phòng UBND tỉnh

Chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan vận hành hiệu quả hoạt động Cổng Thông tin điện tử tỉnh, Cổng Dịch vụ công tỉnh. Theo dõi, tham mưu UBND tỉnh triển khai thực hiện hiệu quả các tiêu chí, tiêu chí thành phần về lĩnh

vực cải cách TTHC; cung cấp dịch vụ công trực tuyến. Triển khai hiệu quả hệ thống phần mềm Văn phòng điện tử. Tuyên truyền, phổ biến đến người dân và doanh nghiệp biết sử dụng Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4. Vận hành Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh bảo đảm kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ.

4.5. Giao Sở Tài chính

Chủ trì, tham mưu UBND tỉnh thực hiện các tiêu chí, tiêu chí thành phần thuộc lĩnh vực cải cách tài chính công; hướng dẫn các cơ quan, đơn vị triển khai hiệu quả cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về kinh phí; thực hiện thu ngân sách hàng năm của tỉnh đảm bảo theo Kế hoạch được Chính phủ giao.

4.6. Giao Sở Thông tin và Truyền thông

Chủ trì tham mưu UBND tỉnh thực hiện hiệu quả các tiêu chí, tiêu chí thành phần thuộc lĩnh vực hiện đại hóa hành chính (xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số), trong đó trọng tâm là việc triển khai ứng dụng công nghệ thông tin; chứng thư số, chữ ký số; trao đổi văn bản dưới dạng điện tử; thực hiện giải quyết TTHC và trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích.

4.7. Giao Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì tham mưu UBND tỉnh triển khai hiệu quả việc áp dụng HTQLCL theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh.

4.8. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì tham mưu UBND tỉnh các tiêu chí, tiêu chí thành phần thuộc lĩnh vực Tác động của CCHC đến phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh: Mức độ thu hút đầu tư của tỉnh; mức độ phát triển doanh nghiệp của tỉnh.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc đề xuất thay đổi, bổ sung, các cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban chỉ đạo CCHC tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành;
- UBND các huyện, thành phố;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, HCQT, TTHCC, NCKSTT.

CHỦ TỊCH



Hồ Văn Mười



MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CẢI THIỆN VÀ NÂNG CAO CHỈ SỐ CCHC TỈNH ĐẮK NÔNG NĂM 2021

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số: **509** KH-UBND ngày **20** tháng **7** năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông)

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm 2020 đạt được	Mục tiêu năm 2021	Nhiệm vụ/giải pháp	Đơn vị chủ trì
1	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC	8,5	7,5	7,5		
1.1	Thực hiện kế hoạch CCHC	1,5	1,5	1,5	Thực hiện hoàn thành 100% Hoạt động tại Kế hoạch CCHC năm 2021 của tỉnh.	Sở Nội vụ
1.2	Thực hiện chế độ báo cáo CCHC định kỳ	0,5	0,5	0,5	Thực hiện đầy đủ các báo cáo.	Sở Nội vụ
1.3	Công tác Kiểm tra CCHC	2	2	2		Sở Nội vụ
1.3.1	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn (CQCM) cấp tỉnh và đơn vị hành chính (ĐVHC) cấp huyện được kiểm tra trong năm	1	1	1	Kiểm tra từ 30% cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện trở lên.	Sở Nội vụ
1.3.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	1	1	1	Đề xuất xử lý và xử lý 100% vấn đề đã phát hiện qua công tác thanh tra,	Sở Nội vụ

		kiểm tra.								
1.4	Công tác tuyên truyền CCHC	1	1	1	1	1	1	1	Thực hiện hoàn thành 100% nhiệm vụ tuyên truyền CCHC.	Sở Nội vụ
1.5	Sáng kiến hoặc giải pháp mới trong cải cách hành chính	2	1	1	1	1	1	1	Nghiên cứu xây dựng và áp dụng ít nhất từ 01 sáng kiến CCHC trở lên.	Sở Nội vụ
1.6	Thực hiện nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao	1,5	1,5	1,5	1,5	1,5	1,5	1,5	Thực hiện hoàn thành 100% nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao.	Các cơ quan, đơn vị được UBND tỉnh giao chủ trì tham mưu thực hiện các nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao
2	XÂY DỰNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT TẠI TỈNH	10	8,43	8,5	8,5	8,5	8,5	8,5		
2.1	Theo dõi thi hành pháp luật (THPL)	2	2	2	2	2	2	2		
2.1.1	Thực hiện các hoạt động về theo dõi thi hành pháp luật	1	1	1	1	1	1	1	Thực hiện đầy đủ 03 hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo đúng quy định tại Nghị định số 59/2012/NĐ-CP, Nghị định số	Sở Tư pháp

2.3	Xử lý văn bản trái pháp luật do cơ quan có thẩm quyền kiểm tra kiến nghị	1,5	1,5	1,5	1,5	100% văn bản trái pháp luật qua kiểm tra được xử lý.	Sở Tư pháp
2.4	Tác động của cải cách đến chất lượng văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) do tỉnh ban hành	5	3,43	3,5	Đầy mạnh các biện pháp xây dựng hệ thống VBQPPL của tỉnh đảm bảo đồng bộ, thống nhất; phù hợp với đường lối, chính sách của Đảng, điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh. Đồng thời, kịp thời xử lý các bất cập, vướng mắc trong tổ chức thực hiện VBQPPL.	Sở Tư pháp	
3	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	13,5	13,44	13,44			
3.1	Kiểm soát quy định thủ tục hành chính (TTHC)	1	1	1			
3.1.1	Thực hiện quy định về ban hành TTHC theo thẩm quyền	0,5	0,5	0,5	Ban hành các quy định TTHC (trình tự thực hiện, thời gian thực hiện, thành phần hồ sơ) đúng quy định.	Văn phòng UBND tỉnh	
3.1.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua rà soát TTHC	0,5	0,5	0,5	100% các vấn đề phát hiện qua rà soát phải được xử lý hoặc kiến nghị xử lý.	Văn phòng UBND tỉnh	
3.2	Công bố, công khai thủ tục hành chính	3,5	3,5	3,5			

3.2.5	Công khai TTHC trên Cổng thông tin điện tử (TTĐT) của tỉnh, Cổng Dịch vụ công tỉnh và Trang Thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị	0,75	0,75	0,75	0,75	<p>quả UBND cấp huyện, cấp xã.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan, đơn vị công khai TTHC trên Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, đảm bảo: - 100% TTHC được công khai đầy đủ trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh. - 100% cơ quan chuyên môn cấp tỉnh công khai TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết trên Trang Thông tin điện tử của đơn vị. - 100% đơn vị hành chính cấp huyện công khai TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết trên Trang Thông tin điện tử của đơn vị. 	Văn phòng UBND tỉnh
3.2.6	Công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC trên Cổng Dịch vụ công tỉnh	0,75	0,75	0,75	0,75	Cập nhật kịp thời, chính xác 100% tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC trên Cổng dịch vụ công của tỉnh.	Văn phòng UBND tỉnh
3.3	Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông	3	3	3	3		
3.3.1	Tỷ lệ TTHC thực hiện việc tiếp nhận,	1	1	1	1	- Rà soát, công bố danh mục TTHC thực hiện việc tiếp nhận và trả kết	Văn phòng

	trả kết quả tại Bộ phận Một cửa					<p>quả theo cơ chế một cửa các cấp.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Theo dõi, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, đảm bảo 100% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã được thực hiện theo cơ chế một cửa theo quy định của UBND tỉnh. 	UBND tỉnh
3.3.2	Đưa TTHC ngành dọc thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận Một cửa các cấp theo danh mục được phê duyệt	0,5	0,5	0,5		<p>Bảo hiểm xã hội tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh phối hợp Văn phòng UBND tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã đưa TTHC ngành dọc thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận Một cửa các cấp theo danh mục được phê duyệt tại Quyết định số 1291/QĐ-TTg ngày 07/10/2019 của Thủ tướng Chính phủ.</p>	Văn phòng UBND tỉnh
3.3.3	Số TTHC hoặc nhóm TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông cùng cấp	0,75	0,75	0,75		<ul style="list-style-type: none"> - Rà soát, công bố danh mục TTHC thực hiện việc tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa liên thông cùng cấp. - Theo dõi, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, đảm bảo 100% TTHC thực hiện theo hình thức liên thông cùng cấp được thực hiện theo quy định của UBND tỉnh. 	Văn phòng UBND tỉnh

3.3.4	Số TTHC hoặc nhóm TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông giữa các cấp chính quyền	0,75	0,75	0,75	0,75	<ul style="list-style-type: none"> - Rà soát, công bố danh mục TTHC thực hiện việc tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa liên thông giữa các cấp chính quyền - Theo dõi, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, đảm bảo 100% TTHC thực hiện theo hình thức liên thông giữa các cấp chính quyền được thực hiện theo quy định của UBND tỉnh. 	Văn phòng UBND tỉnh
3.4	Kết quả giải quyết hồ sơ TTHC	5	4,94	4,94	4,94		
3.4.1	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do CQCM cấp tỉnh tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn	1,5	1,46	1,46	1,46	Thực hiện tiếp nhận và giải quyết TTHC đảm bảo đúng thời gian theo quy định.	Văn phòng UBND tỉnh
3.4.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn	1,5	1,48	1,48	1,48	Thực hiện tiếp nhận và giải quyết TTHC đảm bảo đúng thời gian theo quy định.	Văn phòng UBND tỉnh
3.4.3	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn	1	0,99	0,99	0,99	Thực hiện tiếp nhận và giải quyết TTHC đảm bảo đúng thời gian theo quy định.	Văn phòng UBND tỉnh
3.4.4	Thực hiện việc xin lỗi người dân, tổ chức khi để xảy ra trễ hạn trong giải quyết hồ sơ TTHC	0,25	0,25	0,25	0,25	100% số hồ sơ TTHC giải quyết trễ hạn do phía cơ quan nhà nước phải ban hành văn bản xin lỗi người dân,	Văn phòng UBND tỉnh

3.4.5	Đánh giá chất lượng giải quyết TTHC của địa phương	0,75	0,75	0,75	0,75							Văn phòng UBND tỉnh
3.5	Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh	1	1	1	1							Văn phòng UBND tỉnh
4	CÁI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH	11,5	10,06	10,5								
4.1	Thực hiện quy định của Chính phủ và hướng dẫn của các bộ, ngành về tổ chức bộ máy	3,5	3,5	3,5	3,5							

4.1.1	Sắp xếp tổ chức bộ máy và kiện toàn chức năng, nhiệm vụ của các CQCM cấp tỉnh, các phòng chuyên môn cấp huyện	1	1	1	<ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thực hiện đúng quy định về tổ chức bộ máy. Đảm bảo 100% số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, phòng chuyên môn cấp huyện được quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu đúng quy định. - Tổ chức thanh tra, kiểm tra và đề xuất xử lý đối với các cơ quan, đơn vị thực hiện sai quy định về tổ chức bộ máy. 	Sở Nội vụ
4.1.2	Thực hiện quy định về cơ cấu số lượng lãnh đạo tại các cơ quan hành chính	1,5	1,5	1,5	<ul style="list-style-type: none"> - 100% cơ quan chuyên môn cấp tỉnh; các phòng thuộc cơ quan chuyên môn cấp tỉnh; các phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện thực hiện đúng quy định về cấp phó của người đứng đầu. - Tổ chức thanh tra, kiểm tra và đề xuất xử lý đối với các cơ quan, đơn vị thực hiện không đúng quy định. 	Sở Nội vụ
4.1.3	Tỷ lệ giám số lượng đơn vị sự nghiệp công lập so với năm 2015	1	1	1	Nghiêm túc thực hiện việc rà soát, sắp xếp tinh gọn bộ máy, sáp nhập, giải thể các ĐVSNCL theo đúng quy định, đảm bảo năm đánh giá có số lượng ĐVSNCL giảm so với năm	Sở Nội vụ

							2015 từ 10% trở lên.	
4.2	Thực hiện các quy định về quản lý biên chế	2,5	2,5	2,5	0,5			
4.2.1	Thực hiện quy định về sử dụng biên chế hành chính	0,5	0,5	0,5	0,5		<ul style="list-style-type: none"> - Bố trí, sử dụng số lượng biên chế phù hợp đối với các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước của tỉnh. - Tổ chức thanh tra, kiểm tra và đề xuất xử lý đối với các cơ quan, đơn vị thực hiện sai quy định về sử dụng biên chế được giao. 	Sở Nội vụ
4.2.2	Thực hiện quy định về số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh	0,5	0,5	0,5	0,5		<ul style="list-style-type: none"> - Theo dõi, hướng dẫn các đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng đúng số lượng người làm việc được giao. - Tổ chức thanh tra, kiểm tra và đề xuất xử lý đối với các cơ quan, đơn vị thực hiện sai quy định về sử dụng quá số lượng người làm việc được giao. 	Sở Nội vụ
4.2.3	Tỷ lệ giám biên chế so với năm 2015	1,5	1,5	1,5	1,5		Triển khai Đề án tinh giản biên chế theo Nghị định 108/NĐ-CP ngày 20/11/2014 đảm bảo đúng lộ trình, phấn đấu trong năm 2021 tỷ lệ giảm biên chế so với năm 2015 đạt từ	Sở Nội vụ

	10% trở lên.				<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện các nhiệm vụ về phân cấp quản lý nhà nước theo đúng quy định của Chính phủ; các bộ, ngành. - Xây dựng Kế hoạch kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện các nhiệm vụ đã phân cấp. - 100% vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý. 		Sở Nội vụ
4.3	Thực hiện phân cấp quản lý	1	1	1			
4.4	Tác động của cải cách đến tổ chức bộ máy hành chính	4,5	3,06	3,5		<ul style="list-style-type: none"> - Các Sở, Ban, ngành và UBND các huyện, thành phố thường xuyên quán triệt, triển khai thực hiện đúng Quy chế làm việc của UBND tỉnh; nâng cao tinh thần trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa trong giải quyết công việc, thực hiện nhiệm vụ được giao. - Rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, hiệu lực hiệu quả theo Nghị quyết số 18, 19 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII. Khắc phục tình trạng chồng chéo, trùng lặp về chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan, đơn vị (Sở, ngành, phòng, ban). 	Sở Nội vụ

									- Đẩy mạnh phân cấp trong quản lý nhà nước giữa chính quyền cấp trên và cấp dưới, đặc biệt việc phân cấp phải phù hợp với năng lực của đơn vị được phân cấp; gắn với các điều kiện đảm bảo thực hiện; gắn với trách nhiệm quản lý, kiểm tra, giám sát.	
5	XÂY DỰNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC (CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ)	13,5	10,06	11,95						
5.1	Thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm	2,5	2,5	2,5						
5.1.1	Ban hành văn bản để hoàn thiện quy định về vị trí việc làm của cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý	0,5	0,5	0,5					Hoàn thiện bản mô tả công việc và khung năng lực VTVL tại các cơ quan, đơn vị.	Sở Nội vụ
5.1.2	Tỷ lệ cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh bố trí công chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt	1	1	1					Thực hiện sắp xếp cơ cấu công chức theo vị trí việc làm đã được phê duyệt. Đảm bảo 100% công chức được bố trí theo đúng vị trí việc làm.	Sở Nội vụ
5.1.3	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh bố trí	1	1	1					Hoàn thiện bản mô tả công việc và	Sở Nội vụ

	viên chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt				khung năng lực VTVL tại các cơ quan, đơn vị; thực hiện sắp xếp cơ cấu công chức theo vị trí việc làm đã được phê duyệt. Đảm bảo trên 80% viên chức được bố trí theo đúng vị trí việc làm.	
5.2	Tuyển dụng công chức, viên chức	1	0,5	1		Sở Nội vụ, UBND cấp huyện
5.2.1	Thực hiện quy định về tuyển dụng công chức tại CQCM cấp tỉnh, ĐVHC cấp huyện, cấp xã	0,5	0	0,5	<ul style="list-style-type: none"> - Tham mưu thực hiện nghiêm quy định về tuyển dụng công chức cấp tỉnh huyện theo quy định. Đảm bảo 100% công chức được tuyển dụng đúng quy định. - Hướng dẫn UBND các huyện, thị thực hiện đúng quy định về tuyển dụng công chức cấp xã. - Tổ chức thanh tra, kiểm tra về việc tuyển dụng, sử dụng công chức tại các cơ quan, đơn vị và đề xuất xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm. 	
5.2.2	Thực hiện quy định về tuyển dụng viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh	0,5	0,5	0,5	<ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thực hiện đúng quy định về tuyển dụng viên chức sự nghiệp. Đảm bảo 100% viên chức được tuyển dụng đúng quy định. - Tổ chức thanh tra, kiểm tra về việc 	Các đơn vị thực hiện theo phân cấp

							tuyển dụng, sử dụng viên chức tại các cơ quan, đơn vị và đề xuất xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.	
5.3	Thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức theo thẩm quyền của tỉnh	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5		
5.3.1	Thực hiện quy định về thi nâng ngạch công chức	0,25	0,25	0,25	0,25	0,25	Tham mưu UBND tỉnh thực hiện nghiêm các quy định về thi nâng ngạch công chức.	Sở Nội vụ
5.3.2	Thực hiện quy định về thi, xét thăng hạng viên chức	0,25	0,25	0,25	0,25	0,25	<ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thực hiện đúng quy định về thi, xét thăng hạng viên chức. - Tổ chức thanh tra, kiểm tra việc thực hiện thi, xét thăng hạng viên chức tại các cơ quan, đơn vị. 	Sở Nội vụ
5.4	Thực hiện quy định về bổ nhiệm vị trí lãnh đạo tại các cơ quan hành chính	0,75	0	0,75	0	0,75	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện đúng quy định về bổ nhiệm lãnh đạo tại các cơ quan hành chính. Đảm bảo 100% lãnh đạo được bổ nhiệm đúng quy định. - Kiểm tra, rà soát, báo cáo kết quả thực hiện. 	Sở Nội vụ
5.5	Đánh giá, phân loại công chức, viên chức	1,25	1	1,25	1	1,25		

5.5.1	Thực hiện trình tự, thủ tục đánh giá, phân loại công chức, viên chức theo quy định	0,25	0,25	0,25	0,25	<ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thực hiện việc đánh giá, phân loại công chức, viên chức theo đúng quy định. - Báo cáo kết quả đánh giá, phân loại công chức, viên chức. 	Sở Nội vụ
5.5.2	Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức	1	0,75	1	1	<ul style="list-style-type: none"> - Thường xuyên tổ chức kiểm tra công vụ trên địa bàn tỉnh. - Thực hiện nghiêm về quản lý cán bộ, công chức, viên chức; đảm bảo không có lãnh đạo UBND tỉnh; lãnh đạo cấp Sở, ngành, huyện; lãnh đạo cấp phòng thuộc CQCM cấp tỉnh, UBND cấp huyện và tương đương bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên. 	Sở Nội vụ
5.6	Mức độ hoàn thành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	1	1	1	1	Hoàn thành 100% hoạt động đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC tại Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng năm 2020 của tỉnh.	Sở Nội vụ
5.7	Cán bộ, công chức cấp xã	0,5	0,25	0,25	0,25		
5.7.1	Tỷ lệ đạt chuẩn của công chức cấp xã	0,25	0,25	0,25	0,25	Thực hiện rà soát, đào tạo bồi dưỡng công chức cấp xã, đảm bảo đến cuối năm 2021, 100% công chức cấp xã	UBND cấp huyện, cấp xã

									đạt chuẩn theo quy định.	
5.7.2	Tỷ lệ đạt chuẩn của cán bộ cấp xã	0,25	0	0			0		Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng cán bộ cấp xã toàn tỉnh đạt chuẩn trên 90% trong năm 2021 và hướng tới đạt 100% chuẩn từ năm 2022.	UBND cấp huyện, cấp xã
5.8	Tác động của cải cách đến quản lý cán bộ, công chức	2	1,63	1,7					- Thực hiện công khai, minh bạch trong công tác tuyển dụng công chức, viên chức; bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý; thi nâng ngạch công chức, xét thăng hạng viên chức.	Sở Nội vụ
5.9	Tác động của cải cách đến chất lượng đội ngũ công chức, viên chức	4	2,67	3					- Tổ chức thanh tra, kiểm tra và xử lý nghiêm các trường hợp để xảy ra tiêu cực trong tuyển dụng, bổ nhiệm, thi nâng ngạch, xét thăng hạng công chức, viên chức.	Sở Nội vụ
6	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG	12	9,03	11						
6.1	Tổ chức thực hiện công tác tài chính - ngân sách	3	1,35	3						
6.1.1	Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước hàng năm	1	0,56	1					Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước hàng năm theo quy định của Chính phủ và	Sở Kế hoạch và Đầu tư

						hướng dẫn của các cơ quan có thẩm quyền; đảm bảo tỷ lệ thực hiện giải ngân đạt từ 80% trở lên so với kế hoạch được giao.	
6.1.2	Thực hiện quy định về việc sử dụng kinh phí nguồn từ NSNN	1	0	1	1	100% cơ quan hành chính thực hiện đúng quy định về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính	Sở Tài chính
6.1.3	Tổ chức thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách	1	0,78	1	1	Tổ chức thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách. Đảm bảo Nộp NSNN phải đạt 100% theo kiến nghị.	Sở Tài chính
6.2	Công tác quản lý, sử dụng tài sản công	2	1,75	2	2		
6.2.1	Ban hành các văn bản thuộc thẩm quyền của tỉnh về quản lý, sử dụng tài sản công	0,5	0,25	0,5	0,5	Ban hành các văn bản thuộc thẩm quyền của tỉnh về quản lý, sử dụng tài sản công.	Sở Tài chính
6.2.2	Ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý	0,5	0,5	0,5	0,5	Đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh được giao quản lý, sử dụng tài sản công ban hành quy chế quản lý, sử	Sở Tài chính

							dụng tài sản công của các cơ quan, đơn vị theo đúng quy định, đảm bảo tỷ lệ 100% cơ quan, đơn vị ban hành.	
6.2.3	Thực hiện quy định về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc thẩm quyền quản lý	0,75	0,75	0,75	0,75	Các đơn vị thực hiện quy định về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc thẩm quyền quản lý	Sở Tài chính	
6.2.4	Kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý tài sản công	0,25	0,25	0,25	0,25	Thường xuyên kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý tài sản công.	Sở Tài chính	
6.3	Thực hiện cơ chế tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp công lập (SNCL)	3	3	3	3			
6.3.1	Số đơn vị SNCL tự đảm bảo chi thường xuyên	0,5	0,5	0,5	0,5	- Tham mưu UBND tỉnh triển khai các giải pháp nhằm đảm bảo trong năm 2021 có thêm từ 02 đơn vị SNCL thuộc UBND tỉnh, thuộc cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, thuộc UBND cấp huyện được giao tự chủ ở mức tự đảm bảo chi thường xuyên so với năm 2020.	Sở Tài chính	
6.3.2	Số đơn vị SNCL tự đảm bảo một phần chi thường xuyên	0,5	0,5	0,5	0,5	- Tham mưu UBND tỉnh triển khai các giải pháp nhằm đảm bảo trong năm 2021 có thêm từ 02 đơn vị	Sở Tài chính	

						SNCL thuộc UBND tỉnh, thuộc cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, thuộc UBND cấp huyện được giao tự chủ ở mức tự đảm bảo một phần chi thường xuyên so với năm 2020.					Sở Tài chính
6.3.3	Thực hiện quy định về sử dụng các nguồn tài chính và phân phối kết quả tài chính tại các đơn vị SNCL.	1	1	1	1	Theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra các đơn vị SNCL thuộc UBND tỉnh, thuộc cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, thuộc UBND cấp huyện đã thực hiện cơ chế tự chủ về tài chính về việc phân phối kết quả tài chính hoặc sử dụng kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên trong năm, đảm bảo 100% đơn vị thực hiện đúng quy định.					Sở Tài chính
6.3.4	Tỷ lệ giảm chi trực tiếp ngân sách cho đơn vị sự nghiệp so với năm 2015	1	1	1	1	Tiếp tục thực hiện đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị SNCL. Triển khai tốt các quy định của Chính phủ về công tác tài chính của các đơn vị SNCL, mở rộng quyền tự chủ tài chính, tăng cường công tác xã hội hóa nguồn lực tài chính, đảm bảo tỷ lệ giảm chi trực tiếp ngân sách cho đơn vị sự nghiệp so với năm 2015 đạt từ 10% trở lên.					Sở Tài chính
6.4	Tác động của cải cách đến quản lý tài	4	2,93	3		- Các cơ quan, đơn vị thực hiện tốt					Sở Tài chính

	chính công			<p>Quy chế chi tiêu nội bộ; thực hiện nghiêm túc quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý sử dụng ngân sách Nhà nước.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, đơn vị theo đúng quy định. - Nâng cao hơn nữa hiệu quả việc thực hiện cơ chế tự chủ về sử dụng kinh phí quản lý hành chính; việc thực hiện cơ chế tự chủ tại các đơn vị SNCL, đặc biệt là chủ động tạo thêm nguồn thu hợp pháp để tăng thêm thu nhập cho CBCCV và người lao động. 	
7	HIỆN ĐẠI HÓA HÀNH CHÍNH (XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ)	15	11,55	13,48	
7.1	Ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) của tỉnh	7,25	5,18	6,93	

7.1.1	Triển khai Kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh	0,5	0,5	0,5	0,5	Triển khai hiệu quả Kiến trúc Chính quyền điện tử	Sở Thông tin và Truyền thông
7.1.2	Triển khai nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP)	0,5	0,5	0,5	0,5	Hoàn thiện việc kết nối nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh với hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh, kết hợp với nền tảng chia sẻ dữ liệu quốc gia.	Sở Thông tin và Truyền thông
7.1.3	Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan hành chính nhà nước dưới dạng điện tử	1	0,89	0,9	0,9	Tiếp tục theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị trong việc sử dụng phần mềm Văn phòng điện tử trong trao đổi văn bản; đảm bảo đạt tỷ lệ từ 90% trở lên.	Sở Thông tin và Truyền thông
7.1.4	Tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường mạng	0,5	0,5	0,5	0,5	100% các Sở, ngành, UBND cấp huyện và tương đương xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường mạng.	Sở Thông tin và Truyền thông
7.1.5	Tỷ lệ gửi, nhận văn bản điện tử 4 cấp chính quyền	1	0	1	1	Xây dựng phương án kết nối với trực liên thông văn bản Quốc gia đảm bảo 100% cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, ĐVHC cấp huyện, cấp xã thực hiện.	Văn phòng UBND tỉnh
7.1.6	Thiết lập Công Dịch vụ công tỉnh	0,5	0,5	0,5	0,5	Thực hiện theo quy định tại Nghị	Văn phòng

						định số 61/2018/ND-CP, Thông tư số 01/2018/TT-VPCP và các văn bản hướng dẫn có liên quan.	UBND tỉnh
7.1.7	Vận hành Công Dịch vụ công tỉnh	0,75	0,75	0,75	0,75	Công Dịch vụ công tỉnh tiếp tục kết nối liên thông tới 100% Sở, ngành cấp tỉnh, 100% UBND cấp huyện và 100% UBND cấp xã.	Văn phòng UBND tỉnh
7.1.8	Xây dựng, vận hành Công Dịch vụ công	0,5	0,5	0,5	0,5	Vận hành Công Dịch vụ công tỉnh đáp ứng đầy đủ các chức năng, yêu cầu kỹ thuật theo quy định và tích hợp đầy đủ Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 theo danh mục được phê duyệt.	Văn phòng UBND tỉnh
7.1.9	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4 của tỉnh được tích hợp, cung cấp trên Công Dịch vụ công quốc gia	1	0,78	0,78	0,78	Tích hợp đầy đủ dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4 của tỉnh trên Công Dịch vụ công quốc gia.	Văn phòng UBND tỉnh
7.1.10	Xây dựng Hệ thống thông tin báo cáo cấp tỉnh	0,5	0,25	0,5	0,5	Tích hợp đầy đủ với hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ.	Sở Thông tin và Truyền thông
7.1.11	Tỷ lệ kết nối chế độ báo cáo của UBND tỉnh với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ	0,5	0	0,5	0,5	Đảm bảo kết nối chế độ báo cáo của UBND tỉnh với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ theo quy định	Văn phòng UBND tỉnh

7.2	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến	1,5	1,21	1,3		Văn phòng UBND tỉnh
7.2.1	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ	0,5	0,21	0,3	<p>- Tiếp tục theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, người dân, doanh nghiệp thực hiện cung ứng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 theo danh mục TTHC đã được phê duyệt.</p> <p>- Thực hiện tuyên truyền bằng nhiều hình thức để người dân, doanh nghiệp biết, hiểu và sử dụng dịch vụ công trực tuyến.</p>	Văn phòng UBND tỉnh
7.2.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được giải quyết trực tuyến mức độ 3 và 4	1	1	1	<p>Tiếp tục theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, người dân, doanh nghiệp thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 theo danh mục TTHC đã được phê duyệt.</p>	Văn phòng UBND tỉnh
7.3	Thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích (BCCI)	1,25	1,25	1,25	<p>Tiếp tục đôn đốc, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện tiếp nhận/trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ BCCI theo danh mục TTHC quy định tại Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản chỉ đạo của</p>	Sở Thông tin và Truyền thông

						hội học	
8.2	Mức độ thu hút đầu tư của tỉnh	1	1	1	1	<ul style="list-style-type: none"> - Rà soát và đơn giản hóa thời gian, thủ tục hành chính trong lĩnh vực Đầu tư, kinh doanh, thành lập doanh nghiệp. - Xây dựng và thực hiện chương trình ký kết, hợp tác và đầu tư giữa tỉnh với các tỉnh khác trong và ngoài nước nhằm kêu gọi, thu hút đầu tư hiệu quả. - Tuyên truyền về cơ chế, chính sách và các nội dung liên quan để doanh nghiệp, nhà đầu tư nắm bắt. 	Sở Kế hoạch và Đầu tư
8.3	Mức độ phát triển doanh nghiệp của tỉnh	2	2	2	2		
8.3.1	Tỷ lệ doanh nghiệp thành lập mới trong năm	1	1	1	1	Thực hiện các biện pháp đẩy mạnh phát triển doanh nghiệp. Phấn đấu đạt tỉ lệ doanh nghiệp thành lập mới trong năm 2021 tăng từ 10% trở lên so với năm 2020.	Sở Kế hoạch và Đầu tư
8.3.2	Tỷ lệ đóng góp vào thu ngân sách tỉnh của khu vực doanh nghiệp	1	1	1	1	Thực hiện các giải pháp phấn đấu đảm bảo tỷ lệ % đóng góp vào thu ngân sách tỉnh của khu vực doanh nghiệp	Sở Tài chính

							nghiệp năm 2021 cao hơn năm 2020.		Sở Tài chính
8.4	Thực hiện thu ngân sách hàng năm của tỉnh theo Kế hoạch được Chính phủ giao	1	0,5	0,5	0,5		Thực hiện các biện pháp thu ngân sách năm 2021 đạt hoặc vượt theo nhiệm vụ Chính phủ giao.		Sở Kế hoạch và Đầu tư
8.5	Tỷ lệ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP)	1	0	0,5	0,5		Thực hiện các giải pháp, phân đầu tỷ lệ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) của tỉnh bằng hoặc cao hơn so với năm 2020.		Sở Kế hoạch và Đầu tư
8.6	Mức độ thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội do HĐND tỉnh giao	1	0	0,5	0,5		Đẩy mạnh các biện pháp đảm bảo trong năm thực hiện đạt được từ 90% trở lên chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội do HĐND tỉnh giao.		Sở Kế hoạch và Đầu tư
	TỔNG ĐIỂM	100	82,05	89,37					